

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C, TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày: 23/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Trần Thanh Tùng**.
 - + Ông **Tổng Văn Tư**.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Liêu** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Ông **Đinh Văn Thông** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với:

*** Bị cáo:**

Lê Văn Q, sinh năm 1989, tại tỉnh Đ.

- Nơi cư trú: Tổ 26, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.
- Nghề nghiệp: Làm thuê.
- Trình độ văn hoá: 6/12.
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
- Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966 và bà Lê Thị P, sinh năm 1964.
- Bị cáo chưa có vợ con.
- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/01/2019 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại: Viễn Thông T.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T.**

Chức vụ: Giám đốc Viễn thông T.

Địa chỉ: Số 01, Lê Lợi, Phường 1, thành phố M, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Việt H.**, sinh năm 1959 (Có mặt).

Chức vụ: Chuyên viên Thanh tra – Quân sự - Bảo vệ thuộc Viễn thông T.

Địa chỉ: Số 27L, Khu Phố 5, Phường 1, thành phố M, tỉnh T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Trần T.**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 26, Tổ 5, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T.

2. Anh **Lê Văn T.**, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T.

*** Người làm chứng:** Bà **Nguyễn Thị Thu T.**, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn Q là người làm thuê tự do kéo dây cáp điện cho các Công ty viễn thông ở các tỉnh. Ngày 02/5/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 62K9-2392 đi trên quốc lộ 1 từ thành phố H về tỉnh V, khi đến khu vực trước nhà của ông Tăng Ai T, sinh năm 1951, thuộc ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T. Bị cáo nhìn thấy có đoạn cáp quang của Viễn Thông T rơi xuống đất nhưng chưa xác định được độ dài cụ thể. Đến ngày 03/5/2018, bị cáo nảy sinh ý trộm cắp đoạn cáp quang (loại dây đồng) của Viễn Thông T bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo chuẩn bị 01 cây kiềm cộng lực màu đen, 01 cây kim hiệu LICOTA màu đen, 01 con dao cắt ống màu xanh, 05 cây bulông, 01 túi xách bằng vải màu xanh và 01 đai thắt lưng màu xanh rồi điều khiển xe mô tô biển số 62K9-2392 đi từ tỉnh V đến nơi có đoạn cáp quang (loại dây đồng) ký hiệu FSP-JF-LAP-SS 200 x 2 x 0.50 của Viễn Thông T rơi xuống

đất ở ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T. Tại đây, bị cáo để xe biển số 62K9-2392 cặp đường nhựa, khi chuẩn bị cắt dây cáp thì nhìn thấy Lê Văn P, sinh năm 1991, thường trú ấp L, xã N, huyện C, tỉnh T là bạn của bị cáo đang thi công kéo cáp thuê gần đó nên bị cáo rủ P cùng trộm cáp thì P đồng ý. Bị cáo là người leo lên trụ điện dùng kìm cắt dây cáp từ trụ điện trước cửa nhà ông T đến trụ điện nằm trên phần đất vườn của anh Trần Văn T, sinh năm 1983, thường trú ấp T, xã H với độ dài 204,4m, P giúp kéo dây cáp rồi cùng bị cáo cuộn tròn lại thành 04 cuộn. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến thành phố V để mua 10 bao nhựa màu xám đậm bỏ 04 cuộn dây cáp vào, còn lại 06 cái bao nhựa thì bị cáo bỏ vào cabin cáp ven đường sau đó bị mất. Bị cáo thuê anh Lê Văn T, sinh năm 1993, thường trú ấp T, xã H (là người chạy xe ba gác thuê) chở 04 bao nhựa đựng dây cáp đến nhà xe M ở gần đó với giá 100.000 đồng để gửi 04 bao nhựa đến thành phố H để giao cho đối tượng tên V (không rõ họ và địa chỉ) do bị cáo đã điện thoại thỏa thuận bán với giá 4.600.000 đồng. Có được tiền, bị cáo trả tiền xe M 200.000 đồng, chia cho P 2.150.000 đồng, số còn lại bị cáo cất giữ và tiêu xài hết.

Tại bản Cáo trạng số: 18/CT-VKS, ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 584, 585, 586; 589; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền 707.000 đồng cho bị hại.

Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 62K9-2392 do bị cáo Lê Văn Q đứng tên quyền sở hữu; 01 cây kìm cộng lực màu đen; 01 cây kìm hiệu LICOTA màu đen; 01 con dao cắt ống màu xanh và 01 đai thắt lưng màu xanh. Những vật chứng trên đã bị tịch thu theo Bản án số 86/2018/HS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

05 cây bulông và 01 túi xách bằng vải màu xanh, bị cáo Q đã làm rơi mất nên không thu hồi được.

Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Văn Q phải chịu án 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo xác định đã nhờ mẹ bị cáo bà Lê Thị P giao nộp số tiền 7.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nay tự nguyện bồi thường tiếp số tiền 707.000 đồng cho bị hại.

- Đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông Phạm Việt H về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định pháp luật, về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 707.000 đồng cho bị hại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần T, Lê Văn T và người làm chứng Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần T, Lê Văn T, người làm chứng Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần T, Lê Văn T, người làm chứng Nguyễn Thị Thu T nên sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai trong quá trình điều tra của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội: Khoảng 12 giờ ngày 03 tháng 5 năm 2018, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 204,4m dây cáp quang (dây đồng) ký hiệu FSP-JF-LAP-SS 200 x 2 x 0.50 của Viễn Thông T thuộc địa bàn ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 82/KLĐG-TTHS ngày 22/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định 01m dây cáp quang (dây đồng) ký hiệu FSP-JF-LAP-SS 200 x 2 x 0.50 trị giá 28.345 đồng. Do đó, với 204,4m x 28.345 đồng nên tổng giá trị mà bị cáo Q chiếm đoạt là 5.793.718 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Do đó bản cáo trạng số: 18/CT-VKS, ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố Lê Văn Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, có sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân và gia đình nhưng do bản tính tham lam, chây lười lao động, biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự

về hành vi phạm tội đã gây ra. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và để đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã nộp khắc phục hậu quả 01 phần tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Hiện nay bị cáo Lê Văn Q đang thi hành bản án số 86/2018/HSST, ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T. Do đó sau khi lượng hình trong vụ án này cần tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ngoài ra, quá trình điều tra, bị cáo còn khai nhận khoảng 12 giờ ngày 05/5/2018, bị cáo cùng với Lê Văn P cắt trộm 67,5m dây cáp quang của Viễn Thông T tại khu vực ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T. Sau đó, đem bán được với giá 2.600.000 đồng. Bị cáo chia cho P 1.175.000 đồng, số còn lại bị cáo tiêu xái cá nhân hết. Tuy nhiên, theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 1.913.287 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với lần trộm cắp này.

Đối tượng Lê Văn P là đồng phạm với bị cáo nhưng P đã chết do tai nạn điện giật vào ngày 06/6/2018 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý.

Viễn Thông T xác định bị mất trộm tổng cộng 1.000m dây cáp quang (dây đồng) ký hiệu FSP-JF-LAP-SS 200 x 2 x 0.50. Tuy nhiên, quá trình xác minh chỉ có căn cứ chứng minh bị cáo cùng Lê Văn P trộm cắp với tổng cộng 271.9m, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần T, Lê Văn T có hành vi chớ cấp quang thuê cho bị cáo nhưng không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không xử lý đối với hành vi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trần T, Lê Văn T.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo ủy quyền của Viễn Thông T là ông Phạm Việt H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.707.000 đồng và bị cáo đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xác định đã nhờ mẹ bị cáo bà Lê Thị P giao nộp số tiền 7.000.000 đồng để khắc phục hậu quả tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C theo biên bản ngày 26/01/2019 và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số 003720 ngày 11/3/2019. Nên bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp số tiền 707.000 đồng cho bị hại và được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 62K9-2392 do Lê Văn Q đứng tên quyền sở hữu; 01 cây kim cộng lực màu đen; 01 cây kim hiệu LICOTA màu đen; 01 con dao cắt ống màu xanh và 01 đai thắt lưng màu xanh.

Những vật chứng trên đã bị tịch thu theo Bản án số 86/2018/HS-ST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

- 05 cây bulông và 01 túi xách bằng vải màu xanh, bị cáo đã làm rơi mất nên không thu hồi được.

Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

- Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017, Điều 584, 585, 586; 589; khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Tổng hợp hình phạt với bản án số 86/2018/HSST, ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù. Cộng chung hình phạt bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 23/5/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Lê Văn Q phải bồi thường cho bị hại Viễn Thông T với số tiền 7.707.000 đồng. Nhưng bị cáo đã nộp 7.000.000đ theo biên lai thu tiền số 003720 ngày 11/3/2019, hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T đang giữ nên bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 707.000đ.

Bị hại Viễn Thông T có quyền liên hệ Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C nhận số tiền 7.000.000đ mà bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 003720 ngày 11/3/2019.

Kể từ ngày Viễn Thông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Q chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Bị cáo Lê Văn Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/4/2019). Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh T;
- TAND tỉnh T;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA